

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 01 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn giữa
chị Nguyễn Thị KA và anh Nguyễn
Tuấn M.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim San

Ông Đỗ Huy Hoàng .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2529/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị KA, sinh năm 1991; cư trú tại: Đường AD, phường LT, quận NQ, thành phố Hải phòng; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn M, sinh năm 1988; cư trú tại: TD; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 01/12/2017 và các văn bản khác, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị KA trình bày: Chị Nguyễn Thị KA và anh Nguyễn Tuấn M kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 24 tháng 10 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến cuối tháng 11/2014 thì quay về Thụy Điển để làm thủ tục bảo lãnh cho sang sinh sống tại Thụy Điển. Đến đầu năm 2017, quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh M không đủ điều kiện để bảo lãnh cho chị KA sang Thụy

Điền, và anh M cũng không về Việt Nam sinh sống cùng chị KA nên mỗi người một nơi. Do phải sống cách xa nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay nhận thấy tình cảm không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ là không có nên chị KA đề nghị được ly hôn với anh M.

Tại đơn xin ly hôn ngày 18/10/2017 và các văn bản khác (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) anh Nguyễn Tuấn M xác nhận mối quan hệ giữa chị KA và anh M được xác lập như chị KA trình bày. Quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không thể khắc phục là do anh M chưa đủ điều kiện để bảo lãnh cho chị KA đến Việt Nam sinh sống. Nay nhận thấy hôn nhân giữa anh M và chị KA không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh M và chị KA ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt anh M.

Về quan hệ nuôi con và quan hệ tài sản: Chị KA và anh M thống nhất trình bày: Không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị KA và anh M vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và cam kết không kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tuấn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị KA cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì lý do có công việc bận. Đề nghị của anh M và chị KA phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt anh M và chị KA.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị KA kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 24 tháng 10 năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017. Nguyên nhân chính là do anh M không đủ điều kiện để bảo lãnh cho chị KA sang Thụy Điển sinh sống. Việc các bên không được chung sống cùng nhau, phải sống xa nhau đã khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay nhận thấy cuộc hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho cả hai người nên anh M và chị KA đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của anh M và chị KA là tự nguyện; phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa hai bên và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

Về quan hệ nuôi con và quan hệ tài sản: Anh M và chị KA đều thống nhất trình bày không có con chung và tài sản chung, không có yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị KA phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị KA được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn M.

2. Về quan hệ nuôi con và quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Tuấn M và chị Nguyễn Thị KA đều thống nhất trình bày không có con chung và tài sản chung, không có yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị KA phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 10531 ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị KA đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, chị Nguyễn Thị KA có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, anh Nguyễn Tuấn M có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Phương